TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 108/2022/HS-ST
Ngày: 31/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TP.HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vinh;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 530/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 03 năm 2022 và Thông báo dời ngày xét xử số 66/2022/HSST-TB ngày 22 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

1/Trần G (Trần Văn B); sinh năm: 1995; tại: tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1963 và bà Lâm Thị V, sinh năm 1971; Có vợ 01 co sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2021.

2/ Trần V1, sinh năm: 2001; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần V2, sinh năm 1973 và bà Tăng Thị Diễm K, sinh năm 1973; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại.

Bị hại:

1/ Chị Lê Thị Phương T (chết); Địa chỉ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Người đại diện hợp pháp: ông Lê Vĩnh T1 - sinh năm: 1968 và bà Lê Thị Trúc P2 – sinh năm: 1972; Địa chỉ: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (ông T1 có mặt, bà P2 vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Ngọc T2 - sinh năm: 1976; phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Anh Võ Hải H - sinh năm: 1993; phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Anh Lê Ngọc V3 - sinh năm: 1967; Địa chỉ: phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Ông Võ Văn H1 - sinh năm: 1974; Địa chỉ: Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

5/Chị Lê Thúy H2 - sinh năm: 1973; Địa chỉ: phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6/ Chị Đặng Thị Thu H3 - sinh năm: 1971; Địa chỉ: huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7/ Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Y; Địa chỉ: phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Anh T3 – sinh năm: 1975; Địa chỉ: phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 31/12/2020, Trần G (tên gọi khác Trần Văn B), trực tiếp điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 51C – 480.91 lưu thông trên đường Nguyễn Thị Định trên làn đường dành cho xe ô tô (ngoài cùng bên trái) theo hướng từ Cảng Cát Lái về vòng xoay Mỹ Thủy, phường Cát Lái, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức). Khi G điều khiển xe ô tô đầu kéo đến gần cột đèn T1376 (giao lộ đường Nguyễn Thị Định – phường Cát Lái) thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 62M1 – 090.67 do Trần V1, điều khiển chở chị Lê Thị Phương T ngồi sau đang lưu thông cùng chiều với xe ô tô đầu kéo do Giang điều khiển trên làn đường dành cho xe mô tô. Do xe mô tô biển số 62M1 - 090.67 do Trần V1 điều khiển lúc này chuyển hướng rẽ trái để quay lại hướng phà Cát Lái nên xảy ra chạm với xe ô tô đầu kéo biển số 62M1 – 090.67 do Trần G điều khiển. Sau va chạm xe mô tô và Trần V1 ngã ra đường, chị T bị cuốn vào bánh sau bên phải của xe đầu kéo. Trần G tiếp tục đánh lái xe ô tô đầu kéo sang trái, xe ô tô đầu kéo mất kiểm soát lao sang chiều ngược lại và va chạm liên tiếp vào xe mô tô biển số 59B1 - 309.92 do anh Lê Ngọc V3 điều khiển; xe mô tô biển số 37L2 – 104.70 do anh Nguyễn Ngọc T2 điều khiển và xe mô tô biển số 59C1 - 979.91 do anh Võ Hải H điều khiển đang đứng chờ tín hiệu đèn giao thông.

Về hiện trường nơi xảy ra vụ án: đường Nguyễn Thị Định là dạng đường đôi, hai chiều đường được phân cách bằng dải phân cách bê tông, có tổng cộng 06

làn đường, tính từ phải sang trái theo hướng đi từ vòng xoay Mỹ Thủy về phà Cát Lái thì các làn rộng 2,9m; 3,5m; 3,5m; 3,5m; 3,5m; và 3,0m; giữa làn thứ nhất và làn thứ hai được phân cách bằng dải phân cách dạng bó vỉa; giữa làn thứ 5 và làn thứ 6 được phân cách bằng dải phân cách bê tông, giữa các làn còn lại được phân chia bằng vạch sơn trắng không liên tục; mỗi chiều lưu thông gồm 03 làn đường. Nơi xảy ra tai nạn gần giao lộ với đường 35 – CL và đường D, tại đây đèn tín hiệu giao thông hoạt động bình thường, không có tín hiệu đèn rẽ trái riêng.

Hậu quả sau tai nạn: Chị Lê Thị Phương T chết tại Bệnh viện Quận 2 (nay là Bệnh viện Lê Văn Thịnh). Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1755/TT.20 ngày 25/01/2021 Trung tâm Pháp Y – Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết do đa chấn thương.

- Anh Lê Ngọc V3, Nguyễn Ngọc T2, Võ Hoàng H1 bị xây sát nhẹ nên đã có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật.

- 01 xe mô tô biển số 59B1 - 30992 do anh Lê Ngọc V3 điều khiển; 01 xe mô tô biển số 37L2 – 104.70 do anh Nguyễn Ngọc T2 điều khiển và 01 xe mô tô biển số 59C1 - 979.91 do anh Võ Hải H điều khiển bị hư hỏng nhẹ. Quá trình điều tra do tài sản bị hư hỏng không đáng kể các anh Lê Ngọc V3 và anh Võ Hoàng H đã không yêu cầu định giá tài sản bị hư hỏng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 84/KLĐG – HĐĐGTS – KV1 ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Đức kết luận 01 xe mô tô biển số 37L2 - 104.70 trị giá 20.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 790144937671 mang tên Trần Văn B, sinh ngày 18/5/1992.

- 01 xe mô tô biển số 59C1-97991

- 01 xe mô tô biển số 59B1-30992.

- 01 xe mô tô biển số 37L2 – 104.70

- 01 xe mô tô biển số 62M1-09067

- 01 xe ô tô đầu kéo biển số 51C - 48091 (số máy: KCB17405; số khung: 1FUJA6DE85LN90814)

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 790199243554 mang tên Trần V1, sinh ngày 04/04/2001.

- 01 đĩa VCD có chứa đoạn camera ghi nhận nội dung diễn biến vụ án.

[2] Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSTPTĐ ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Trần G tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và tội "Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Truy tố bị cáo Trần V1 tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần G phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị tuyên bố bị cáo Trần V1 phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện công ty Y nơi bị cáo Trần G làm việc đã bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo, bị cáo Trần V1 và gia định tự nguyện nộp 50.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức và đồng thời tại phiên tòa bị cáo V1 tiếp tục tự nguyên khắc phục thiệt hại số tiền 150.000.000 đồng, công ty Y tự nguyện bồi thường số tiền 150.000.000 đồng (đã giao cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng), còn lại 110.000.000 đồng tiếp tục bồi thường cho bị hại. Vì vậy áp dụng cho bị cáo G và bị cáo V1 tình tiết đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần G hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo nguy hiểm hơn bị cáo V1, bị cáo sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng chất ma túy khi lái xe do đó đề nghị Hội đồng xét xử có hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với vai trò, nhân thân của từng bị cáo.

Mức hình phạt đề nghị: bị cáo Trần G về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng 04 (bốn) năm tù

Tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" mức hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Bị cáo V1 mức án đề nghị từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về vật chứng và yêu cầu dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận xác định lỗi gây ra tai nạn giao thông là do cả hai bị cáo gây ra, nhưng chủ yếu là do bị cáo V1 đi không đúng luật giao thông rẻ trái không đúng quy định đã gây ra cái chết cho con gái của ông, ông đề nghị hủy hồ sơ vụ án để lập lại hiện trường xảy ra tai nạn. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ông đề nghị cả hai bị cáo và công ty Y có trách nhiệm bồi

thường cho gia đình tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Đại diện hợp pháp của công ty Y trình bày: lỗi dẫn đến vụ tai nạn giao thông cả hai bị cáo đều có lỗi, hậu quả xảy ra không ai mong muốn, mong gia đình bị hại xem xét cho hai bị cáo đây là lỗi vô ý, gia đình bị hại cho rằng không được rẻ trái khi đèn xanh là không đúng, tại vị trí xảy ra tai nạn đèn giao thông màu xanh và không có biển cấm rẻ trái nên bị cáo V1 vẫn được phép quẹo trái để quay đầu, đề nghị gia đình bị hại xem xét để sớm kết thúc vụ án. Tuy nhiên do hai bị cáo đều thiếu chú ý quan sát để xảy ra tai nạn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Phía công ty từ khi vụ án xảy ra, bảo hiểm không thanh toán công ty kinh doanh không được do dịch bệnh và giá xăng dầu tăng cao, tuy nhiên công ty đồng ý hỗ trợ bồi thường cho gia đình bị hại số tiền tổng cộng 150.000.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận 40.000.000 đồng, Công ty Y tiếp tục thanh toán số tiền còn lại 110.000.000 đồng cho gia đình bị hại.

Các bị cáo không tranh luận và bào chữa

Bị cáo G nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo V1 nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn giao thông, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập, có cơ sở để xác định: Trần G và Trần V1 thực hiện hành vi phạm tội xảy ra vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 31/12/2020 tại giao lộ đường Nguyễn Thị Định với đường 35CL và đường D phường Cát Lái, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần G điều khiển xe ô tô khi đã sử dụng ma túy Methamphetamine, không có giấy phép lái xe, khi đến giao lộ thiếu chú ý quan sát không giảm tốc độ, dẫn đến va chạm với xe mô tô do bị cáo V1 điều khiển, theo camera hành trình tốc

độ va chạm là 53km/h, đã vi phạm Điều 14; Khoản 7, Khoản 2 Điều 8 Luật giao thông đường bộ số 15/VBHN – VPQH ngày 05/7/2019 gây hậu quả làm 01 người chết. Vì vậy có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo G và bị cáo V1 đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi gây ra cái chết cho chị Lê Thị Phương T lỗi chính do bị cáo Trần G gây ra, hành vi vi phạm của bị cáo Trần G có tính chất, mức độ rất nguy hiểm, cụ thể bị cáo lái xe container đầu kéo không có giấy phép lái xe, trong tình trạng có sử dụng chất ma túy, đến giao lộ thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ đã gây nên va chạm giao thông với xe mô tô do bị cáo V1 điều khiển, hành vi của bị cáo G đã vi phạm điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trần V điều khiển xe mô tô chuyển hướng thiếu chú ý quan sát gây tại nạn giao thông; vi phạm khoản 23 điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ số 15/VBHN – VPQH ngày 05/7/2019 gây hậu quả làm 01 người chết. Như vậy, hành vi của V1 đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây thiệt hại về tính mạng, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Ngoài ra hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả của bị cáo Trần G còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động hành chính Nhà nước, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nhằm làm cho người tuyển dụng bị cáo tại Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Y lầm tưởng bị cáo có giấy tờ hợp pháp, để giao xe cho bị cáo điều khiển. Do đó bị cáo Trần G phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ các nhân định trên, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra, và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, các bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo Vinh có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Trần Văn B, sinh ngày 18/5/1992, số chứng minh nhân dân số 251001917, trú tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là người mà Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh có cấp giấy phép lái xe hạng FC số 790144937671 vào

ngày 11/4/2017. Quá trình điều tra xác định Trần G nhờ bạn mình lên mạng và làm giả giấy phép lái xe hạng FC như thông tin về nhân thân lai lịch của anh Trần Văn B. Việc bị cáo G làm giả giấy phép lái xe của mình anh B không biết. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh Trần Văn B.

Đối với anh Hoàng Anh T2 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải Y và là người nhận Trần G (Trần Văn B) vào làm việc tại công ty Y. Quá trình điều tra anh T3 khai nhận khi nhận G vào làm việc tại công ty thì Trần G có cung cấp bằng lái xe hạng FC mang tên Trần Văn B cho anh T3 xem và anh T3 đã lên mạng kiểm tra phù hợp với thông tin lai lịch trong chứng minh nhân dân của Trần G (Trần Văn B) cung cấp cho anh trước đó. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với anh Hoàng Anh T3 về tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Đối với đối tượng tên Tình là người làm giả giấy phép lái xe cho Trần G. Hiện không rõ nhân thân lại lịch của Tình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án:

- 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 790144937671 mang tên Trần Văn B, do bị cáo nhờ người làm giả là công cụ phạm tội đang được lưu trữ trong hồ sơ, tiếp tục lưu trữ.

- 01 xe mô tô biển số 59C1-97991 do Võ Văn H1 là cha ruột của anh Võ Hải H đứng tên chủ sở hữu; 01 xe mô tô biển số 59B1-30992; 01 xe mô tô biển số 37L2 – 104.70; 01 xe mô tô biển số 62M1-09067. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại các xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 xe ô tô đầu kéo biển số 51C - 48091 (số máy: KCB17405; số khung: 1FUJA6DE85LN90814) do công ty TNHH GNVT Y đứng tên làm chủ hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại xe trên cho anh Hoàng Anh Tấn là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Y.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 790199243554 mang tên Trần V1, sinh ngày 04/04/2001, nơi cư trú: Nhơn Trạch, Đồng Nai), ngày cấp 06/9/2019. Theo công văn số 828/SGTVT - SH ngày 27/01/2021 của Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thì giấy phép lái xe này do Sở cấp, trả lại cho bị cáo V.

- 01 đĩa VCD có chứa đoạn camera ghi nhận nội dung diễn biến vụ án. Đây là chứng cứ của vụ án, tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Anh T3 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Y đã bồi thường cho ông Lê Vĩnh T1 là cha ruột của chị Lê Thị Phương T số tiền 40.000.000 đồng. Đồng thời bồi thường số tiền sửa chữa xe bị hư hỏng cho các anh Lê Ngọc V3, Nguyễn Ngọc T2 và Võ Hải H. Các anh Lê

Ngọc V3, Nguyễn Ngọc T2 và Võ Hải H không yêu cầu đòi bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa ông Lê Vĩnh T1 là cha ruột của chị Lê Thị Phương T yêu cầu giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cụ thể yêu cầu bị cáo V1, bị cáo G và công ty Y liên đới bồi thường chi phí mai táng và bồi thường thiệt hại, tổng cộng 1.000.000.000 đồng cho gia đình. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bên không thỏa thuận được về mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật dân sự tại Điều 590; điểm a, khoản 1 và khoản 2 Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định như sau: đối với số tiền 204.000.000 đồng có hóa đơn là toàn bộ chi phí hợp lý cho việc mai táng nên được chấp nhận yêu cầu. Số tiền còn lại 796.000.000 đồng, Hội đồng xét xử cân nhắc mức độ lỗi do các bị cáo gây ra để xác định mức bồi thường theo quy định pháp luật, bị cáo G có lỗi nhiều hơn trong việc gây ra cái chết cho chị Phương T nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhiều hơn. Căn cứ quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên tổng số tiền bồi thường thiệt hại được tính trên mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng x 150 lần được chấp nhận yêu cầu là 223.500.000 đồng, tổng cộng toàn bộ số tiền gia đình bị hại được chấp nhận yêu cầu là 427.500.000 đồng, không được chấp nhận số tiền yêu cầu là 572.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu công ty Y bồi thường, Hội đồng xét xử nhận định căn cứ quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự, "chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, phương tiện giao thông vận tải phải bồi thường thiệt hai do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác", cụ thể trong vụ án này chủ sở hữu xe xe ô tô đầu kéo biển số 51C - 48091 (số máy: KCB17405; số khung: 1FUJA6DE85LN90814) do công ty TNHH GNVT Y đứng tên chủ sở hữu, đã giao cho nhân viên là bị cáo Trần G sử dụng để vận chuyển hàng hóa, tuy nhiên phía công ty có lỗi dân sự đã vô ý trong việc kiểm tra giấy tờ hợp pháp và không có ký hợp đồng lao động với bị cáo Trần G để phân định trách nhiệm, do đó công ty TNHH GNVT Y và bị cáo Trần G có trách nhiệm liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo V1 tự nguyện tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 200.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức ngày 25/02/2022), ghi nhận sự tự nguyện của công ty Y tự nguyện bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho gia đình bị hại (số tiền 40.000.000 đồng, công ty Y đã giao cho gia đình bị hại); bị cáo Trần G đồng ý bồi thường 50.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền tự nguyện bồi thường của bị cáo V1 là 200.000.000 đồng, bị cáo G 50.000.000 đồng, công ty Y 150.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng, số tiền còn lại 27.500.000 đồng, như đã nhận định về lỗi chính dẫn đến tai nạn giao thông là do bị cáo Trần G gây ra, gia đình bị cáo V1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cao hơn mức đáng lý ra bị cáo G phải chịu, đồng thời công ty Y đã bồi thường số tiền nhiều hơn bị cáo G, vì vậy bị cáo G tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền này.

[5] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 đồng; bị cáo Trần G phải chịu án phí dân sự 3.875.000 đồng; công ty Y phải chịu 5.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần G phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và phạm tội "Sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần G về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" 04 (bốn) năm tù. Xử phạt bị cáo Trần G về tội "Sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2021.

- Tuyên bố bị cáo Trần V1 phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

- Áp dụng khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần V1 01 (một) năm tù 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần V1 cho Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 590; Điều 591; Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần V1 bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Vĩnh T1 và bà Lê Thị Trúc P2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bị cáo Trần V1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bị cáo tiếp tục nộp số tiền còn lại 150.000.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH GNVT Y bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Vĩnh T1 và bà Lê Thị Trúc P2 số tiền 110.000.000 đồng (một trăm

mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần G bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Vĩnh T1 và bà Lê Thị Trúc P2 số tiền 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án, còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

(Biên lai thu số 26012 ngày 25/02/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Trả lại cho bị cáo Trần V1 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 790199243554 mang tên Trần V1, sinh ngày 04/04/2001 (đang lữu trữ trong hồ sơ vụ án).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 790144937671 mang tên Trần Văn B và 01 đĩa VCD có chứa đoạn camera ghi nhận nội dung diễn biến vụ án.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo V1 phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); bị cáo Trần G phải chịu 3.875.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Công ty TNHH GNVT Y phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án. Riêng đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; ĐDHPBH, NCQLNVLQ
- VKS, CA, Chi cục THA TP.TĐ
- Chi cục thuế TP.TĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM

- Lưu HS

Đỗ Thị Thu Thảo

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo)

Các Hội thẩm nhân dân | Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Thảo